

Số: 1014/QĐ-GDDT

Cần Giờ, ngày 06 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện**  
**Năm học 2019-2020**

**TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về sửa đổi Điều 2 Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ;

Căn cứ Công văn số 1757/GDDT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về tổ chức thi học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện năm học 2019 – 2020;

Căn cứ kết quả Kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện năm học 2019-2020 khóa ngày 23 tháng 11 năm 2019;

Xét đề nghị của tổ Trung học cơ sở - Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

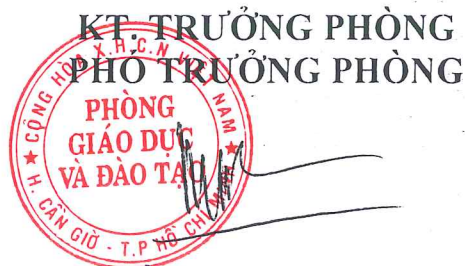
**Điều 1.** Nay công nhận 99 học sinh lớp 9 các trường trong huyện đạt học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện năm học 2019-2020 trong danh sách đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các em học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Phòng GD&ĐT: TP, PTP (THCS), thành viên tổ THCS; Tổ tài vụ (bà L.Trúc);
- Lưu: VT.



**Trần Thị Hoàng Mai**



**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9 ĐƯỢC CÔNG NHẬN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN**  
**NĂM HỌC 2019-2020**

(Kèm theo Quyết định số 104/GĐĐT ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H. C. N. VIỆT NAM |      |                    |                    |       |     |     |      |       |      |       |           |           |
|---------------------------------------------|------|--------------------|--------------------|-------|-----|-----|------|-------|------|-------|-----------|-----------|
| Số thứ tự                                   | Môn  | Trường             | Họ                 | Tên   | GT  | lớp | ngày | tháng | năm  | SBD   | Phòng thi | Xếp giải  |
| 1                                           | Toán | THCS Bình Khánh    | NGUYỄN THANH       | BÌNH  | Nam | 9A1 | 3    | 12    | 2005 | To002 | 1         | Giải nhất |
| 2                                           | Toán | THCS Dơi Lâu       | Trần Thị Thanh     | Loan  | Nữ  | 9.1 | 16   | 10    | 2005 | To009 | 1         | Giải KK   |
| 3                                           | Văn  | THCS An Thới Đông  | BÙI HẢI QUỲNH      | ANH   | Nữ  | 9/3 | 4    | 9     | 2005 | Va001 | 2         | Giải ba   |
| 4                                           | Văn  | THCS Cần Thạnh     | NGUYỄN THỊ NGỌC    | DIỆU  | Nữ  | 9.1 | 14   | 9     | 2005 | Va002 | 2         | Giải KK   |
| 5                                           | Văn  | THCS Bình Khánh    | NGUYỄN THỊ NGỌC    | DUYÊN | Nữ  | 9A1 | 19   | 6     | 2005 | Va003 | 2         | Giải ba   |
| 6                                           | Văn  | THCS Long Hoà      | VÕ THỊ MỸ          | DUYÊN | Nữ  | 9/4 | 27   | 7     | 2005 | Va004 | 2         | Giải KK   |
| 7                                           | Văn  | THCS An Thới Đông  | NGUYỄN NGỌC        | HÀ    | Nữ  | 9/4 | 17   | 8     | 2005 | Va005 | 2         | Giải KK   |
| 8                                           | Văn  | THCS Cần Thạnh     | NGUYỄN THỊ TÚ      | HÀO   | Nữ  | 9.1 | 18   | 5     | 2005 | Va007 | 2         | Giải KK   |
| 9                                           | Văn  | THCS Long Hoà      | LÊ HỒNG PHÚC       | HẦU   | Nam | 9/2 | 3    | 11    | 2005 | Va008 | 2         | Giải KK   |
| 10                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | BÙI NGUYỄN QUỲNH   | HUÔNG | Nữ  | 9/1 | 19   | 4     | 2005 | Va009 | 2         | Giải KK   |
| 11                                          | Văn  | THCS Bình Khánh    | LÊ NGỌC THIÊN      | KIM   | Nữ  | 9A1 | 26   | 1     | 2005 | Va011 | 2         | Giải KK   |
| 12                                          | Văn  | THCS Long Hoà      | THÁI THỊ NGỌC      | LAN   | Nữ  | 9/1 | 12   | 4     | 2005 | Va012 | 2         | Giải KK   |
| 13                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | LƯƠNG NGUYỄN HUỲNH | MAI   | Nữ  | 9/5 | 2    | 3     | 2005 | Va013 | 2         | Giải KK   |
| 14                                          | Văn  | THCS Dơi Lâu       | Huỳnh Xuân         | Nga   | Nữ  | 9.2 | 24   | 1     | 2004 | Va015 | 2         | Giải KK   |
| 15                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | PHẠM THỊ KIM       | NGÂN  | Nữ  | 9/2 | 24   | 4     | 2005 | Va017 | 2         | Giải KK   |
| 16                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | TRẦN NGUYỄN THUY   | NGÂN  | Nữ  | 9/6 | 5    | 3     | 2005 | Va018 | 2         | Giải KK   |
| 17                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | ĐÀO THUY MÂN       | NGHI  | Nữ  | 9/3 | 27   | 6     | 2005 | Va019 | 2         | Giải KK   |
| 18                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | TRẦN BẠCH TUYẾT    | NGHI  | Nữ  | 9/1 | 18   | 7     | 2005 | Va021 | 2         | Giải KK   |
| 19                                          | Văn  | THCS Tam Thôn Hiệp | PHẠM GIA           | NGHI  | Nữ  | 9.1 | 28   | 2     | 2005 | Va020 | 2         | Giải KK   |
| 20                                          | Văn  | THCS Tam Thôn Hiệp | VÔ THỊ THOẠI       | NGỌC  | Nữ  | 9.1 | 25   | 10    | 2005 | Va023 | 2         | Giải KK   |
| 21                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | NGÔ YẾN            | NHI   | Nữ  | 9/1 | 11   | 12    | 2005 | Va024 | 3         | Giải ba   |
| 22                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | LÊ THỊ TUYẾT       | NHUNG | Nữ  | 9/5 | 12   | 6     | 2005 | Va025 | 3         | Giải KK   |
| 23                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | NGUYỄN NGỌC        | PHÚC  | Nữ  | 9/6 | 12   | 1     | 2005 | Va026 | 3         | Giải KK   |
| 24                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | NGUYỄN TRẦN NHƯ    | QUỲNH | Nữ  | 9/3 | 12   | 4     | 2005 | Va029 | 3         | Giải KK   |
| 25                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG  | THẢO  | Nữ  | 9/5 | 29   | 11    | 2005 | Va030 | 3         | Giải KK   |
| 26                                          | Văn  | THCS Lý Nhơn       | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG  | THẢO  | Nữ  | 9/3 | 23   | 9     | 2005 | Va031 | 3         | Giải KK   |
| 27                                          | Văn  | THCS Lý Nhơn       | TRƯỜNG THỊ MINH    | THO   | Nữ  | 9/2 | 22   | 4     | 2005 | Va032 | 3         | Giải KK   |
| 28                                          | Văn  | THCS Lý Nhơn       | HUỲNH THỊ HỒNG     | THU   | Nữ  | 9/3 | 15   | 3     | 2005 | Va033 | 3         | Giải KK   |
| 29                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | TRẦN THỊ ANH       | THU   | Nữ  | 9/1 | 8    | 1     | 2005 | Va034 | 3         | Giải KK   |
| 30                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | HUỲNH THỊ CẨM      | TIÊN  | Nữ  | 9/6 | 25   | 12    | 2005 | Va035 | 3         | Giải KK   |
| 31                                          | Văn  | THCS An Thới Đông  | DƯƠNG THỊ HUỲNH    | TRẦN  | Nữ  | 9/4 | 25   | 9     | 2005 | Va036 | 3         | Giải KK   |
| 32                                          | Văn  | THCS Lý Nhơn       | HỒ BẢO             | TRẦN  | Nữ  | 9/3 | 17   | 5     | 2005 | Va037 | 3         | Giải KK   |

| STT | Môn      | Trường                | Họ                 | Tên   | GT  | lớp | ngày | tháng | năm  | SBD   | Phòng thi | Xếp giải |
|-----|----------|-----------------------|--------------------|-------|-----|-----|------|-------|------|-------|-----------|----------|
| 33  | Văn      | THCS Dơi Lầu          | Nguyễn Thị Thiện   | TRÚC  | Nữ  | 9.1 | 8    | 1     | 2005 | Va038 | 3         | Giải KK  |
| 34  | Văn      | THCS Long Hoà         | TRẦN THỊ THANH     | TRÚC  | Nữ  | 9/1 | 11   | 7     | 2005 | Va039 | 3         | Giải KK  |
| 35  | Văn      | THCS Bình Khánh       | NGUYỄN THỊ CẨM     | TÚ    | Nữ  | 9A1 | 29   | 3     | 2005 | Va040 | 3         | Giải ba  |
| 36  | Văn      | THCS An Thới Đông     | NGUYỄN THANH       | VY    | Nữ  | 9/5 | 16   | 7     | 2005 | Va043 | 3         | Giải KK  |
| 37  | Văn      | THCS Lý Nhơn          | LÊ HUƠNG ANH       | VY    | Nữ  | 9/2 | 4    | 9     | 2005 | Va042 | 3         | Giải KK  |
| 38  | Văn      | THCS An Thới Đông     | ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG  | YẾN   | Nữ  | 9/4 | 30   | 8     | 2005 | Va044 | 3         | Giải KK  |
| 39  | Văn      | THCS An Thới Đông     | NGUYỄN THỊ NGỌC    | YẾN   | Nữ  | 9/3 | 12   | 10    | 2004 | Va045 | 3         | Giải KK  |
| 40  | Lịch sử  | THCS Bình Khánh       | HUỲNH PHƯỚC        | ĐỨC   | Nam | 9A1 | 30   | 10    | 2005 | Su001 | 4         | Giải KK  |
| 41  | Lịch sử  | THCS Cần Thạnh        | HUỲNH TRẦN MỸ      | HẠNH  | Nữ  | 9.4 | 25   | 7     | 2005 | Su004 | 4         | Giải ba  |
| 42  | Lịch sử  | THCS Cần Thạnh        | NGUYỄN QUỐC        | KHANH | Nam | 9.4 | 17   | 12    | 2004 | Su006 | 4         | Giải KK  |
| 43  | Lịch sử  | THCS Cần Thạnh        | BÙI NGUYỄN ĐÌNH    | KHÔI  | Nam | 9.1 | 10   | 3     | 2005 | Su007 | 4         | Giải nhì |
| 44  | Lịch sử  | THCS Bình Khánh       | NGUYỄN VÕ TUYẾT    | LINH  | Nữ  | 9A6 | 28   | 6     | 2005 | Su008 | 4         | Giải KK  |
| 45  | Lịch sử  | THCS An Thới Đông     | ĐẶNG THÀNH         | LỢI   | Nam | 9/4 | 9    | 1     | 2005 | Su009 | 4         | Giải KK  |
| 46  | Lịch sử  | THCS Tam Thôn Hiệp    | PHAN THANH         | NHÀ   | Nữ  | 9.3 | 2    | 3     | 2005 | Su011 | 4         | Giải KK  |
| 47  | Lịch sử  | THCS Bình Khánh       | TRẦN QUỐC          | TÚ    | Nam | 9A1 | 19   | 3     | 2005 | Su016 | 4         | Giải ba  |
| 48  | Lịch sử  | THCS và THPT Thanh An | Nguyễn Lê Như      | Ý     | Nữ  | 9/2 | 1    | 3     | 2005 | Su019 | 4         | Giải nhì |
| 49  | Tin học  | THCS Cần Thạnh        | TRƯƠNG QUỲNH       | ANH   | Nữ  | 9.5 | 1    | 1     | 2005 | TH001 | 5         | Giải KK  |
| 50  | Địa lý   | THCS Bình Khánh       | PHAN KIM           | HOÀNG | Nữ  | 9A1 | 6    | 4     | 2005 | ĐL001 | 5         | Giải KK  |
| 51  | Tin học  | THCS Bình Khánh       | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG  | LINH  | Nữ  | 9A4 | 18   | 1     | 2005 | TH005 | 5         | Giải KK  |
| 52  | Tin học  | THCS Cần Thạnh        | NGUYỄN LÊ THANH    | THẢO  | Nữ  | 9.5 | 4    | 7     | 2005 | TH006 | 5         | Giải KK  |
| 53  | Tin học  | THCS Cần Thạnh        | LÊ HỒNG TÂM        | THÚ   | Nữ  | 9.5 | 3    | 12    | 2005 | TH007 | 5         | Giải KK  |
| 54  | Tin học  | THCS Bình Khánh       | VÕ CHÍ             | THUẬN | Nam | 9A3 | 2    | 1     | 2005 | TH008 | 5         | Giải KK  |
| 55  | Tin học  | THCS Dơi Lầu          | Văn Thị Ngọc       | Yến   | Nữ  | 9.1 | 30   | 7     | 2005 | TH010 | 5         | Giải KK  |
| 56  | Vật lý   | THCS Bình Khánh       | NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG | ANH   | Nữ  | 9A1 | 13   | 11    | 2005 | VL001 | 6         | Giải nhì |
| 57  | Vật lý   | THCS Long Hoà         | NGUYỄN LÝ ĐÌNH     | LUẬN  | Nam | 9/2 | 13   | 9     | 2005 | VL006 | 6         | Giải KK  |
| 58  | Vật lý   | THCS Lý Nhơn          | NGUYỄN HUỲNH KHOA  | NHƯ   | Nữ  | 9/1 | 31   | 10    | 2005 | VL008 | 6         | Giải KK  |
| 59  | Vật lý   | THCS Lý Nhơn          | PHẠM THỊ KIỀU      | NHƯ   | Nữ  | 9/1 | 13   | 5     | 2005 | VL009 | 6         | Giải KK  |
| 60  | Vật lý   | THCS Long Hoà         | BÙI DUƠNG TẤN      | TÀI   | Nam | 9/3 | 6    | 6     | 2005 | VL012 | 6         | Giải KK  |
| 61  | Vật lý   | THCS Long Hoà         | BÙI THỊ ÁNH        | TUYẾT | Nữ  | 9/3 | 17   | 6     | 2005 | VL014 | 6         | Giải KK  |
| 62  | Sinh học | THCS Bình Khánh       | TRẦN HÀ LAN        | ANH   | Nữ  | 9A1 | 11   | 1     | 2005 | SH001 | 7         | Giải KK  |
| 63  | Sinh học | THCS Bình Khánh       | NGUYỄN DUƠNG THAI  | BẢO   | Nam | 9A3 | 5    | 5     | 2005 | SH003 | 7         | Giải KK  |
| 64  | Sinh học | THCS Tam Thôn Hiệp    | DUƠNG THỊ NGỌC     | BÍCH  | Nữ  | 9.1 | 9    | 10    | 2005 | SH004 | 7         | Giải KK  |
| 65  | Sinh học | THCS Tam Thôn Hiệp    | PHAN HOÀNG         | HIỆP  | Nam | 9.1 | 9    | 8     | 2005 | SH006 | 7         | Giải nhì |
| 66  | Sinh học | THCS Dơi Lầu          | Trần Thị Cẩm       | Ly    | Nữ  | 9.2 | 28   | 8     | 2005 | SH008 | 7         | Giải KK  |
| 67  | Sinh học | THCS Tam Thôn Hiệp    | TRẦN THỊ TUYẾT     | MAI   | Nữ  | 9.1 | 24   | 9     | 2005 | SH009 | 7         | Giải KK  |

| STT | Môn       | Trưởng                | Họ                 | Tên    | GT  | lớp | ngày | tháng | năm  | SBD   | Phòng thí | Xếp giải |
|-----|-----------|-----------------------|--------------------|--------|-----|-----|------|-------|------|-------|-----------|----------|
| 68  | Sinh học  | THCS Càn Thanh        | TRẦN DUONG HẠNH    | MỸ     | Nữ  | 9.5 | 4    | 12    | 2005 | SH010 | 7         | Giải KK  |
| 69  | Sinh học  | THCS Dơi Lầu          | Mai Thị Kim        | Ngân   | Nữ  | 9.2 | 14   | 1     | 2005 | SH011 | 7         | Giải nhì |
| 70  | Sinh học  | THCS Long Hoà         | NGUYỄN TRỌNG       | PHÚC   | Nam | 9/3 | 20   | 12    | 2005 | SH014 | 7         | Giải KK  |
| 71  | Sinh học  | THCS Lý Nhơn          | LÊ HUYỀN THANH     | PHƯƠNG | Nam | 9/2 | 24   | 10    | 2005 | SH015 | 7         | Giải KK  |
| 72  | Sinh học  | THCS Tam Thôn Hiệp    | ĐINH THỊ           | XUÂN   | Nữ  | 9.1 | 10   | 2     | 2005 | SH023 | 7         | Giải ba  |
| 73  | Tiếng Anh | THCS Càn Thanh        | NGUYỄN NGỌC LIÊN   | CHI    | Nữ  | 9.5 | 26   | 2     | 2005 | Av002 | 8         | Giải KK  |
| 74  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | CHÂU THỊ KIM       | CƯỜNG  | Nữ  | 9A1 | 15   | 10    | 2005 | Av003 | 8         | Giải KK  |
| 75  | Tiếng Anh | THCS Càn Thanh        | DUÔNG HUÔNG        | DUÔNG  | Nữ  | 9.5 | 14   | 7     | 2005 | Av004 | 8         | Giải KK  |
| 76  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | VÔ MINH HOÀNG      | GIANG  | Nam | 9A1 | 14   | 12    | 2005 | Av005 | 8         | Giải KK  |
| 77  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | NGÔ THỊ NGỌC       | HÀ     | Nữ  | 9A1 | 28   | 3     | 2005 | Av006 | 8         | Giải KK  |
| 78  | Tiếng Anh | THCS Càn Thanh        | DUÔNG THỊ NGỌC     | HÂN    | Nữ  | 9.5 | 9    | 11    | 2005 | Av007 | 8         | Giải ba  |
| 79  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | TRẦN HỒNG          | HÀNH   | Nữ  | 9A1 | 2    | 8     | 2005 | Av008 | 8         | Giải KK  |
| 80  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | VŨ THY             | HÀO    | Nữ  | 9A1 | 11   | 7     | 2005 | Av009 | 8         | Giải KK  |
| 81  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | HỒ THANH           | HOÀ    | Nam | 9A1 | 19   | 10    | 2005 | Av010 | 8         | Giải ba  |
| 82  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | LÊ NGUYỄN GIA      | HÙNG   | Nam | 9A1 | 26   | 4     | 2005 | Av011 | 8         | Giải KK  |
| 83  | Tiếng Anh | THCS Càn Thanh        | NGUYỄN THỊ KIM     | HUÔNG  | Nữ  | 9.5 | 16   | 3     | 2005 | Av012 | 8         | Giải KK  |
| 84  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | VÔ GIA             | HUY    | Nam | 9A7 | 3    | 6     | 2005 | Av013 | 8         | Giải KK  |
| 85  | Tiếng Anh | THCS Tam Thôn Hiệp    | DUÔNG DẶNG MỸ      | LOAN   | Nữ  | 9.2 | 7    | 6     | 2005 | Av015 | 9         | Giải KK  |
| 86  | Tiếng Anh | THCS Càn Thanh        | TRẦN BẢO TRÚC      | MY     | Nữ  | 9.5 | 5    | 9     | 2005 | Av016 | 9         | Giải ba  |
| 87  | Tiếng Anh | THCS Càn Thanh        | ĐẶNG TUYẾT         | NGÂN   | Nữ  | 9.5 | 12   | 4     | 2005 | Av017 | 9         | Giải nhì |
| 88  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | TRẦN GIA           | NGHI   | Nữ  | 9A1 | 24   | 5     | 2005 | Av019 | 9         | Giải KK  |
| 89  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | BÙI THỊ MINH       | NGỌC   | Nữ  | 9A1 | 14   | 6     | 2005 | Av020 | 9         | Giải ba  |
| 90  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | NGUYỄN LÊ HỒNG     | NGỌC   | Nữ  | 9A1 | 10   | 8     | 2005 | Av021 | 9         | Giải ba  |
| 91  | Tiếng Anh | THCS và THPT Thanh An | Trần Lê Minh       | Thư    | Nữ  | 9/2 | 21   | 4     | 2005 | Av023 | 9         | Giải KK  |
| 92  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | NGUYỄN THỊ THUY    | TRANG  | Nữ  | 9A1 | 10   | 11    | 2005 | Av024 | 9         | Giải KK  |
| 93  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | NGUYỄN ĐÌNH        | TRÍ    | Nam | 9A1 | 12   | 6     | 2005 | Av025 | 9         | Giải nhì |
| 94  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG | VY     | Nữ  | 9A1 | 12   | 10    | 2005 | Av026 | 9         | Giải KK  |
| 95  | Tiếng Anh | THCS Bình Khánh       | NGUYỄN QUỐC        | XANH   | Nam | 9A1 | 2    | 8     | 2005 | Av027 | 9         | Giải nhì |
| 96  | Hóa học   | THCS Dơi Lầu          | Nguyễn Thị Minh    | Hiếu   | Nữ  | 9.2 | 18   | 2     | 2005 | H006  | 10        | Giải KK  |
| 97  | Hóa học   | THCS Long Hoà         | HỒ ĐÌNH            | KHOA   | Nam | 9/1 | 28   | 5     | 2005 | H008  | 10        | Giải KK  |
| 98  | Hóa học   | THCS Bình Khánh       | TÔ NGỌC YẾN        | NHI    | Nữ  | 9A1 | 18   | 4     | 2005 | H015  | 10        | Giải KK  |
| 99  | Hóa học   | THCS Bình Khánh       | NGUYỄN TẤN         | PHÚC   | Nam | 9A4 | 19   | 10    | 2005 | H016  | 10        | Giải KK  |

Danh sách này có 99 học sinh./.

